

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư “phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 204-QĐ/TW), Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; căn cứ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của tỉnh và quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ¹, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội² thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

¹ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

² Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao; giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân nhận thức đúng đắn, đầy đủ, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp nhân dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên các trụ cột kinh tế phát triển của tỉnh; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

4. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ thông tin tập trung, ... phù hợp với thực tiễn tại tỉnh.

5. Quán triệt, thực hiện tốt Kế hoạch hành động nhằm góp phần thiết thực vào hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát, đồng bộ và thể hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm thực hiện thời gian qua; nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế thừa có chọn lọc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai trên địa bàn (*về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...*).

3. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải; xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu, phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các

lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

4. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện (*ngắn hạn, trung hạn, dài hạn*); phân công cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp, bảo đảm “*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả*”, đồng bộ, khả thi, hiệu quả. Phân bổ nguồn lực (*nhân lực, tài chính, vật lực*) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh dàn trải, lãng phí.

6. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược theo từng giai đoạn 5 năm; cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (*theo tháng, quý, năm, giai đoạn*); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của địa phương.

7. Phối hợp chặt chẽ, liên thông, đồng bộ của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện; huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện; có cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

8. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 01 tháng/lần³; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết để đề ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của Kế hoạch đặt ra.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình; xác định rõ thẩm quyền, trách

³ Theo hình thức trực tuyến trên hệ thống thông tin theo dõi, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW do Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương chủ trì xây dựng, quản lý.

nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (*đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...*); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

10. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (*cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công,...*) vừa có tầm nhìn dài hạn (*đến 2030, 2035, 2040, 2045*) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng địa phương, từng vùng, miền.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội; phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

12. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

13. Bảo đảm tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo; chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Xác định khoa học và công nghệ là nền tảng, đổi mới sáng tạo là động lực cốt lõi và chuyển đổi số là công cụ then chốt để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với chuyển đổi xanh và phát triển công nghiệp công nghệ cao để phát triển bền vững.

2. Thu hút đầu tư có chọn lọc trong công nghiệp với những công nghệ mới, tiên tiến phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thu hút đầu tư phát triển kinh tế đi song hành với gia tăng sức mạnh nội tại thông qua phát triển nguồn nhân lực, tự chủ công nghệ. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

3. Tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản về thể chế để Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW đi vào cuộc sống; hướng đến tỉnh Đồng Nai sẽ là điểm kết nối (gateway) của vùng Đông Nam bộ và thúc đẩy kinh tế phát triển.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của địa phương.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

1.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 60\%$.

- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,0\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP.

- Có $\geq 80\%$ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 4 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Có ≥ 20 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Có ≥ 300 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có $\geq 40\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có ≥ 15 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Có ≥ 50 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Có ≥ 1 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 3 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ≥ 20 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Có ≥ 5 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Có ≥ 100 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

- Có ≥ 30 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0.60 .

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có $\geq 80\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 40\%$ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có $\geq 50\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.

- Có $\geq 60\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 50\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Có $\geq 60\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số đạt 15% GRDP.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Có ≥ 6 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 60\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 40 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có ≥ 3 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tỉnh trên 60%;

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 7 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp.

- Mỗi năm có ≥ 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 20 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 70 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$.

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông tới Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.
- Có 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Có $\geq 80\%$ giao dịch không dùng tiền mặt.
- Quy mô kinh tế số đạt 35% - 37% GRDP, trong đó kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm 70%.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.
- Phát triển công nghiệp công nghệ số bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với hạt nhân là Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành (hay còn gọi là Khu công nghiệp công nghệ số Long Thành); Thu hút đầu tư trong nước trạm phân phối cáp quang quốc tế (Point of Presence - PoP) cho Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành và hình thành siêu xa lộ Internet. Phát triển công nghiệp dữ liệu dựa trên hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành và các khu khác; thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài FDI về dịch vụ lưu trữ, trung chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới tại khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành.
- Hình thành hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số của tỉnh với các công nghệ chiến lược gồm: bán dẫn, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (BigData), điện toán đám mây (Cloud), chuỗi khối (blockchain).
- Thu hút ít nhất 01 tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, công nghệ số hàng đầu của khu vực và thế giới để kêu gọi đầu tư và hợp tác phát triển;

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có 2% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 150 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Có ≥ 8 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 80 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 80 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có $\geq 75\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 80 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 40\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 5 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 150 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 12 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 150 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 60 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 50 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 700 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,85$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 2.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 250 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 10 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 120 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 120 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có $\geq 85\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 120 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 500 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 8 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Có 15 - 20 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Có 7 - 10 trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.

- Có ≥ 250 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 500 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có 50 đến 60 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 18 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 70\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có 15 - 20 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thành, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Mỗi năm có ≥ 300 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 100 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 100 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 1200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 60\%$ vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 180 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,92$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.

- Các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Kinh tế số đạt 45% GRDP.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 3.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 400 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 160 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 160 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có $\geq 95\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 180 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 800 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 800 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 50 - 70 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 25 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 500 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm ≥ 150 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 200 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 1800 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.

- Các doanh nghiệp trong nước tự chủ về công nghệ và đóng vai trò thiết yếu, chiếm ít nhất 40% trong hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số tỉnh.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.

- Kinh tế số đạt 50% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

- Đồng Nai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số và phát triển thành Trung tâm số (Hub số) của Việt Nam và của khu vực Đông Nam Á với hạt nhân là Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành.

- Thu hút thêm ít nhất 05 doanh nghiệp công nghệ, công nghệ số lớn hàng đầu trên thế giới đầu tư và hợp tác phát triển.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong toàn tỉnh phải quán triệt sâu sắc, đầy đủ tầm quan trọng chiến lược của việc đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách, là động lực then chốt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Khẩn trương kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng

ban Chỉ đạo để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh. Giao Văn phòng Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh, bảo đảm các điều kiện hoạt động cho Ban Chỉ đạo. Thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh đảm bảo theo mô hình Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương gồm đại diện các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan có đủ năng lực, trình độ để tham mưu, tổng hợp, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ chuyên trách làm công tác tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và triển khai Nghị quyết. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật, công nghệ tham gia cấp ủy các cấp, đặc biệt tại các ngành, lĩnh vực và địa bàn trọng yếu.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, khẩn trương xây dựng, ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định lộ trình thực hiện và nguồn lực đảm bảo. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực của tỉnh, các cấp, các ngành phải lồng ghép chặt chẽ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là yếu tố cốt lõi, xuyên suốt.

- Phát huy trí tuệ tập thể, tăng cường tham vấn chuyên môn, thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo mô hình Hội đồng tư vấn quốc gia). Hội đồng quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, tâm huyết trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài nước để tham mưu, tư vấn, phản biện chính sách, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh có những quyết sách kịp thời, hiệu quả, phù hợp với xu thế và thực tiễn địa phương.

- Tăng cường phối hợp, đề cao trách nhiệm và kỷ luật, kỷ cương, thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch này. Tăng cường sự vào cuộc chủ động, tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng gắn với lộ trình và kết quả thực hiện cho từng đơn vị, người đứng đầu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc; kịp thời biểu dương, khen thưởng những nơi làm tốt, đồng thời xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

- Tổ chức học tập, quán triệt, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức nghiêm túc, bài bản việc học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Nội dung quán triệt cần tập trung phân tích sâu sắc những vấn đề cốt lõi, những điểm mới, đột phá của Nghị quyết, làm rõ cơ hội, thách thức và yêu cầu đặt ra đối với tỉnh Đồng Nai; liên hệ chặt chẽ với thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Đổi mới mạnh mẽ phương thức học tập, quán triệt theo hướng thiết thực, hiệu quả; kết hợp linh hoạt các hình thức: hội nghị (trực tiếp, trực tuyến), sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ. Chú trọng biên soạn, cung cấp các tài liệu học tập đa dạng, dễ tiếp cận (sách chuyên khảo, tài liệu hỏi - đáp, cẩm nang, infographic, video clip...). Tăng cường mời các chuyên gia đầu ngành, các nhà quản lý có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước tham gia báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm. Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, các hội, hiệp hội doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung cốt lõi của Nghị quyết và Kế hoạch này đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và Kế hoạch này tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Đưa kết quả thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào nội dung kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng năm; gắn với công tác thi đua, khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.

- Đẩy mạnh và đổi mới toàn diện công tác thông tin, truyền thông. Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chương trình; tăng cường thời lượng, nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nội dung tuyên truyền cần đa dạng, phong phú, hấp dẫn, làm nổi bật lợi ích thiết thực, các mô hình hay, cách làm hiệu quả, các tấm gương điển hình tiên tiến; đồng thời đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tận dụng tối đa ưu thế của công nghệ số, mạng xã hội để lan tỏa thông tin tích cực. Phát động sâu rộng phong trào thi đua “học tập số”, “công dân số”, phổ cập, nâng cao kiến thức, kỹ năng số, kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội doanh nghiệp phát huy vai trò cầu nối, tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hưởng ứng tham gia; lồng ghép hiệu quả với các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thường xuyên tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các tập thể, cá nhân, các nhà khoa học, chuyên gia, doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc và đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng văn hóa số, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền về văn hóa ứng xử văn minh, kỹ năng số an toàn, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, bảo đảm nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Khẩn trương rà soát toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến đất đai, đầu tư, ngân sách, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng... xây dựng, ban hành các chính sách có tính đột phá, ưu đãi vượt trội nhằm khuyến khích mạnh mẽ các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số. Kiên quyết chỉ đạo tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi nhất cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển bút phá, đúng theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Nghiên cứu đề xuất thí điểm Khu thương mại tự do (free trade zone - FTZ) cho Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành (khu công nghiệp công nghệ số Long Thành) đối với công nghiệp bán dẫn, công nghiệp dữ liệu (dữ liệu có nguồn gốc từ nước ngoài) và theo lộ trình đối với các lĩnh vực khác nhằm tạo động lực phát triển mạnh mẽ, thu hút đầu tư cho các ngành, lĩnh vực đòi hỏi rất nhiều hàm lượng công nghệ cao.

- Xây dựng, hoàn thiện ban hành các Quy hoạch, Chiến lược, Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quán triệt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để tổ

chức thực hiện thắng lợi, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh, biến tiềm năng, lợi thế thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, mang tính cạnh tranh cao (bao gồm chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính, tín dụng, đất đai) để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn. Xây dựng và ban hành chính sách đột phá về thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về công tác, công hiến tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp trên địa bàn. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ đầu tư tư nhân, đổi mới phương thức hợp tác công - tư (PPP) cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ. Chủ động, mạnh dạn triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, đảm bảo quản lý chặt chẽ rủi ro. Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số phát triển.

- Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; các quỹ đầu tư của tỉnh để phát triển nguồn nhân lực, các tổ chức khoa học công nghệ.

- Thu hút đầu tư và phát triển các Trung tâm nghiên cứu, Trường Đại học phục vụ cho các khu công nghiệp công nghệ số, khu đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao; liên kết đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ hoạt động hiệu quả.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ và chuyển đổi số bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, lãng phí.

- Thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, rà soát, cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận các nguồn lực đất đai, vốn, nhân lực.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, tập trung thu hút các tổ chức,

doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ lớn, có uy tín trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, sản xuất, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế ưu đãi đặc biệt để thu hút các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, trung tâm R&D tại tỉnh trong đó có Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành. Thúc đẩy mạnh mẽ sự kết nối, hợp tác hiệu quả giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Các cấp ủy, chính quyền phải quán triệt và bảo đảm bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện thắng lợi Kế hoạch này. Rà soát, cơ cấu lại ngân sách, đảm bảo tăng tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm theo đúng quy định và mục tiêu đề ra.

- Xây dựng Chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, xác định rõ các dự án ưu tiên, cơ cấu nguồn vốn, chủ động đề xuất, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ nguồn hỗ trợ theo Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15.

4. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng và dịch vụ số đồng bộ, hiện đại, an toàn

- Ban hành Chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược phải đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh, có khả năng chống chịu và dự phòng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của tỉnh; phải được lồng ghép chặt chẽ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan, bảo đảm tính tổng thể, liên thông.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng số tại các khu vực trọng điểm như Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành, các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các đô thị đang xây dựng theo mô hình thông minh. Thúc đẩy mạnh mẽ việc kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn. Lồng ghép hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Đẩy nhanh việc mở rộng phủ sóng mạng băng thông rộng cáp quang tốc độ cao (từ 1Gbps trở lên) và mạng di động 5G, tiến tới các thế hệ tiếp theo, đến 100% xã, phường, thị trấn, bao gồm cả các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng mạng truyền dẫn cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ sở giáo dục, y tế, bảo đảm chất lượng, an toàn, ổn định. Sử dụng các phương thức truyền dẫn công nghệ mới; triển khai hạ tầng IoT từ tỉnh đến xã.

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh hiện đại, các trung tâm dữ liệu lớn, xanh (datacenter hyperscale) tại Khu Công nghệ thông tin tập trung Long

Thành, nghiên cứu đầu tư hệ thống tính toán hiệu năng cao phục vụ nghiên cứu khoa học và trí tuệ nhân tạo. Triển khai trạm phân phối cáp quang quốc tế (Point of Presence – PoP) cho Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành kết nối với trạm cáp bờ cáp quang biển quốc tế (Cable Landing Station – CLS) Vũng Tàu để phục vụ cho các Trung tâm dữ liệu siêu lớn (Datacenter hyperscale) và hình thành siêu xa lộ Internet cung cấp đường truyền Internet quốc tế tốc độ cao. Ban hành quy chế chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ, khu công nghệ cao theo Quy hoạch tỉnh.

- Quy hoạch và phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho các Khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung, Khu đổi mới sáng tạo... để phát triển khoa học, công nghệ và các ngành công nghiệp công nghệ chiến lược của tỉnh. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, phát triển hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số với các công nghệ chiến lược của tỉnh tập trung tại Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành và nối dài, mở rộng tại khu đổi mới sáng tạo cùng với các vệ tinh là các Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp. Lấy công nghiệp dữ liệu và công nghiệp bán dẫn là 2 mũi nhọn trong hệ sinh thái công nghệ số tỉnh. Có cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi của tỉnh và thực hiện thu hút đầu tư phát triển hệ thống các Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm phục vụ cho hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số tỉnh.

- Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, ưu tiên các lĩnh vực như: thiết kế, đóng gói, kiểm thử sản phẩm bán dẫn; cảm biến, thiết bị IoT với công nghệ MEMS (Micro-Electro-Mechanical Systems). Ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp thiết kế bán dẫn fabless, doanh nghiệp sản xuất chip chuyên dụng MEMS, chip IoT vào Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành, Khu công nghệ cao, Khu đổi mới sáng tạo và các khu công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh.

- Công bố Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và tập trung nguồn lực xây dựng, hoàn thiện, kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu này, đặc biệt là các cơ sở dữ liệu nền tảng (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...). Thực hiện nghiêm túc việc cung cấp dữ liệu mở theo kế hoạch đã được phê duyệt, tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài nguyên dữ liệu, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đưa toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành lên môi trường số, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch. Thực hiện triệt để việc chỉ đạo, điều

hành, xử lý công việc trực tuyến, dựa trên dữ liệu số để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý.

- Triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến (IoT, AI, Big Data, GIS...) vào giám sát, quản lý tài nguyên, môi trường, cảnh báo sớm thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hướng tới mục tiêu phát triển xanh, bền vững theo định hướng của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

5. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Về hình thành và phát triển các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, xây dựng Chiến lược hình thành và phát triển hệ thống các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ vai trò hạt nhân của Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở nghiên cứu trọng điểm, vườn ươm công nghệ, không gian đổi mới sáng tạo. Tăng cường thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước tham gia xây dựng, vận hành các trung tâm này. Tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết chặt chẽ, thực chất giữa viện - trường - doanh nghiệp (mô hình 3 nhà, 4 nhà), thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ trực tiếp yêu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

- Về khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, xây dựng và ban hành chính sách đột phá nhằm khuyến khích, thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt là khởi nghiệp dựa trên công nghệ cao, công nghệ số. Tổ chức thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp khởi nghiệp về thủ tục pháp lý, mặt bằng sản xuất kinh doanh, đào tạo kỹ năng quản trị, tiếp cận thị trường, kết nối nguồn vốn. Chủ động tăng cường kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh với các quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, mạng lưới cố vấn, chuyên gia trong và ngoài nước.

- Về nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác để giải quyết các vấn đề cấp thiết, các bài toán thực tiễn của tỉnh, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên (như công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, y tế, giáo dục, môi trường, năng lượng mới...). Tăng cường mạnh mẽ, chủ động hợp tác nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy hoạt

động công bố quốc tế, đăng ký và khai thác hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu có giá trị.

6. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới

- Tiếp tục tập trung triển khai các nội dung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; có các chương trình, đề án, lộ trình phát triển nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng nhu cầu cho hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số tỉnh.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) để tự chủ về công nghệ. Đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của doanh nghiệp ngành công nghiệp kết hợp với đảm bảo đầu ra tại các doanh nghiệp.

- Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông qua các quỹ đầu tư của tỉnh và các quỹ R&D của các doanh nghiệp, các tổ chức R&D và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người có trình độ cao về Đồng Nai làm việc, sinh sống. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín trong và ngoài nước; hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội. Chú trọng triển khai các nền tảng số dùng chung trong giáo dục và đào tạo.

- Cụ thể hóa, triển khai sâu rộng, thực chất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp, hình thành công dân số, xã hội học tập.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức uy tín trong và ngoài nước để tổ chức các khóa đào tạo thực hành, trao đổi chuyên gia.

- Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng và duy trì Cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật thường xuyên. Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo quy định, hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạch định chính sách.

7. Xây dựng và triển khai Chiến lược chuyển đổi số toàn diện, phát triển mạnh mẽ kinh tế số, xã hội số

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tiến tới lãnh đạo, điều hành hoàn toàn trên môi trường số; triển khai số hóa và xây dựng kho dữ liệu để làm cơ sở xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung tập trung của tỉnh có ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Mỗi cơ quan, đơn vị phải đảm bảo bộ dữ liệu của mình “đúng, đủ, sạch, sống”. Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh kết nối với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

- Tập trung phát triển, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu dùng chung cốt lõi của tỉnh, nền tảng số an toàn phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức. Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị, giữa tỉnh và Trung ương.

- Chính quyền số hướng tới chủ động phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoàn toàn trên môi trường số; thực hiện cung cấp dịch vụ công phi địa giới, toàn trình, cá nhân hóa và dựa vào dữ liệu. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ quan trong hệ thống chính trị để cải cách thủ tục hành chính, tối ưu hóa quy trình, cải cách phương thức quản lý, tăng năng suất và hiệu quả. Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hiện đại, thân thiện, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng định danh, xác thực điện tử (VNeID), chữ ký số.

- Đầu tư, triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo hẹp (Artificial Narrow Intelligence – ANI) phục vụ các nhiệm vụ quản lý Nhà nước.

- Triển khai nhanh, hiệu quả dự án đầu tư Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023-2028.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng; an

ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia.

- Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kinh tế số để làm đòn bẩy và duy trì tăng trưởng kinh tế 2 con số. Phát triển kinh tế số toàn diện với 4 trụ cột gồm: công nghiệp công nghệ số, kinh tế số các ngành, lĩnh vực, quản trị số và dữ liệu số. Trong đó, kinh tế số các ngành, lĩnh vực phải phát triển nhanh tiến tới chiếm 70% tỷ trọng kinh tế số; quản trị số phải chú trọng triển khai các nền tảng số dùng chung đảm bảo hiệu quả, tối ưu nguồn lực.

- Triển khai các nền tảng số chuyên ngành thông minh phục vụ phát triển các lĩnh vực ưu tiên: công nghiệp thông minh, nông nghiệp số, logistics thông minh, du lịch thông minh, thương mại điện tử, y tế số, giáo dục số, đô thị thông minh, giao thông thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường ...

- Phát triển mạnh mẽ các phương thức thanh toán số, thúc đẩy giao dịch không dùng tiền mặt, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình, đề án cụ thể nhằm hỗ trợ mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng hiệu quả các giải pháp số (quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, marketing, kế toán, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt ...).

- Phát triển các nền tảng kết nối giữa doanh nghiệp có nhu cầu và nhà cung cấp giải pháp công nghệ. Tổ chức thường xuyên các hội chợ, hội thảo công nghệ, tạo môi trường chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các nền tảng số toàn cầu.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu số cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc (mã QR, blockchain...), IoT trong sản xuất, chế biến nông sản, hàng hóa.

- Xây dựng, vận hành hiệu quả Cổng thông tin hoặc Sàn thương mại điện tử của tỉnh để hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ doanh nghiệp dự báo thị trường, tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số có năng lực thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trọng điểm của tỉnh.

8. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và chủ quyền số quốc gia trên địa bàn tỉnh

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng (SOC) của tỉnh, bảo đảm năng lực, trang thiết bị hiện đại, hoạt động hiệu quả 24/7. Xây dựng lực lượng chuyên trách đủ mạnh về giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Ban hành và thực hiện nghiêm Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân loại dữ liệu và bảo vệ thông tin quan trọng. Tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá, diễn tập thực chiến về an toàn thông tin, an ninh mạng. Nâng cao năng lực chủ động giám sát, phân tích, cảnh báo sớm các nguy cơ, mối đe dọa. Xây dựng, phê duyệt và định kỳ diễn tập Kế hoạch ứng phó sự cố theo các cấp độ, bảo đảm sẵn sàng xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống.

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, chia sẻ thông tin kịp thời với các cơ quan chức năng của Trung ương và các địa phương khác trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát, đánh giá định kỳ mức độ bảo đảm an toàn, an ninh của các hệ thống thông tin quan trọng. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu, phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng chất lượng cao. Ưu tiên nghiên cứu, đánh giá và triển khai sử dụng các giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin mạng do Việt Nam làm chủ công nghệ.

9. Chủ động, tích cực đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường liên kết, hợp tác thực chất, hiệu quả, cùng có lợi với các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các vùng kinh tế khác. Chủ động phối hợp triển khai các dự án chung có tính liên kết vùng, đặc biệt về hạ tầng số, giao thông thông minh, logistics. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến vào các ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Chủ động thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quỹ đầu tư, các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ uy tín trên thế giới. Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Tích cực ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký.

- Tập trung thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, chất lượng cao, gắn với yêu

cầu chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Ban hành cơ chế, chính sách thông thoáng, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến Đồng Nai làm việc, nghiên cứu, hợp tác lâu dài.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của Thường trực Tỉnh ủy

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề nổi cộm liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các ban đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính...) phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

3. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh/thành; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp ... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Trách nhiệm của Văn phòng Tỉnh ủy và các ban đảng Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy: Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045, trình Ban Chỉ đạo ban hành, phối hợp với Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của các Tỉnh ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch hành động: Căn cứ Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, các chiến lược phát triển của Ban Chỉ đạo, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Đề xuất/ban hành các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh uỷ về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW và Kế hoạch hành động của tỉnh.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban nhân dân, sở/ban/ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, đồng thời gửi báo cáo về Ban

Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban đảng, uỷ ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn tỉnh/thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Trên đây là Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh, đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nghiêm túc triển khai thực hiện. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ủy ban Nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đ/c thành viên Ban chỉ đạo tỉnh,
- CP.VPTU - T1,
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Thái Bảo